Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3701.91.90

Mã HS	3701.91.90
Mô tả hàng hóa	Các tấm và phim để tạo ảnh ở dạng phẳng, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng, bằng vật liệu bất kỳ trừ giấy, bìa hoặc vật liệu dệt; phim in ngay dạng phẳng, có phủ lớp chất nhạy, chưa phơi sáng, đã hoặc chưa đóng gói / - Loại khác: / - - Dùng cho ảnh màu (đa màu): / - - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 17:38:22
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/37019190/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5213
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5213
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5213
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.4	3,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5091
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5052
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5052
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5052
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5052
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5052
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5052
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E5096
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5096
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5096
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5096

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5096
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5096
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	VJ!E5094
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	1	VJ!F5094
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5094
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5094
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5094
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5094
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5094
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5058
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5054
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5054
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5054
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5054
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5054
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5054
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5063
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5063
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5063
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5063
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5063
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5063
VCFTA	2022	2022	3	VC!D5101
VCFTA	2023	2023	1	VC!E5101
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5101
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5101

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5101
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5101
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5098
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5098
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5098
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5098
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5098
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5098
AHKFTA	2022	2022	6	AKH!D5106
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E5106
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F5106
AHKFTA	2025	2025	6	AKH!G5106
AHKFTA	2026	2026	6	AKH!H5106
AHKFTA	2027	2027	6	AKH!I5106
EVFTA	2022	2022	3	EV-NK!D5077
EVFTA	2023	2023	2	EV-NK!E5077
EVFTA	2024	2024	1	EV-NK!F5077
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5077
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5077
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5077
UKVFTA	2022	2022	3	UKV!D5079
UKVFTA	2023	2023	2	UKV!E5079
UKVFTA	2024	2024	1	UKV!F5079
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5079
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5079
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5079

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5077
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5077
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5077
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5077
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5077
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5077
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5077
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5098
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5098
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5098
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5098
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5098
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5098
RCEP B	2022	2022	0	B!D5098
RCEP B	2023	2023	0	B!E5098
RCEP B	2024	2024	0	B!F5098
RCEP B	2025	2025	0	B!G5098
RCEP B	2026	2026	0	B!H5098
RCEP B	2027	2027	0	B!I5098
RCEP C	2022	2022	0	C!D5098
RCEP C	2023	2023	0	C!E5098
RCEP C	2024	2024	0	C!F5098
RCEP C	2025	2025	0	C!G5098
RCEP C	2026	2026	0	C!H5098
RCEP C	2027	2027	0	C!I5098
RCEP D	2022	2022	0	D!D5098

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E5098
RCEP D	2024	2024	0	D!F5098
RCEP D	2025	2025	0	D!G5098
RCEP D	2026	2026	0	D!H5098
RCEP D	2027	2027	0	D!I5098
RCEP E	2022	2022	0	E!D5101
RCEP E	2023	2023	0	E!E5101
RCEP E	2024	2024	0	E!F5101
RCEP E	2025	2025	0	E!G5101
RCEP E	2026	2026	0	E!H5101
RCEP E	2027	2027	0	E!I5101
RCEP F	2022	2022	0	F!D5098
RCEP F	2023	2023	0	F!E5098
RCEP F	2024	2024	0	F!F5098
RCEP F	2025	2025	0	F!G5098
RCEP F	2026	2026	0	F!H5098
RCEP F	2027	2027	0	F!I5098
VIFTA	2024	2024	5.1	VI!F4696
VIFTA	2025	2025	4.3	VI!G4696
VIFTA	2026	2026	3.4	VI!H4696
VIFTA	2027	2027	2.6	VI!I4696

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 6%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (5%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 5%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3701.91 có 2 dòng thuế; dòng 3701.91.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3701.91.10 Loại phù hợp dùng cho công nghiệp in	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3701.91.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 3701.91.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5213), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.